TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2024/HS-ST
Ngày 30 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Hoa; Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại Phòng xét xử (số 03) Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 327/2024/TLST-HS, ngày 04 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 347/2024/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 11 năm 2024, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2024/HS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Ngọc S**, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Xóm K, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Xuân T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971.

Tiền án:

+ Ngày 24/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện M'ĐRĂK, tỉnh ĐĂK LĂK. Xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong án phạt tù ngày 04/5/2022. Chưa nộp án phí HSST 200.000 đồng và truy thu 4.714.000 đồng.

+ Ngày 20/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Xử phạt 42 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", tổng hợp với bản án số 84/2012/HS-ST ngày 23/3/2012 của Toà án nhân dân thành phố Tn. Xử phạt 42 tháng tù. Buộc S phải chấp hành hình phạt tù cho cả hai bản án là 84 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Đã chấp

hành xong án phạt tù ngày 10/4/2017 và đã nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm ngày 15/8/2012. Chưa bồi thường thiệt hại 4.240.000đ (Bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

2. Họ và tên: **Nguyễn Phi Đ**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Xóm Cây S, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh M và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

- *Bị hại:* Ông Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1967

Nơi cư trú: Xóm Cây S, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Ngọc S là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên đi lang thang quanh địa bàn thành phố T xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp đem đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Quá trình S ở trọ gần nhà ông Đặng Ngọc Đ, tại xóm Cây S, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, S nhìn thấy trong sân nhà ông Đ có nhiều tấm kim loại là dụng cụ dùng để xây dựng công trình nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tấm kim loại đó để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong tháng 7 năm 2024, Vũ Ngọc S đã thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản của ông Đ đem đến cửa hàng thu mua phế liệu của Nguyễn Phi Đ để bán. Đ thấy S lén lút vác tài sản mang bán vào ban đêm nên biết đó là tài sản do S trộm cắp có được nhưng vẫn mua của S để bán cho người khác với giá cao hơn kiếm lời, cụ thể các lần như sau:

Lần 01: Khoảng 03 giờ ngày 01/7/2024, S đi bộ một mình đến trước cổng nhà ông Đ. S quan sát thấy nhà tắt điện, mọi người đang ngủ, không có ai trông coi tài sản nên S trèo qua tường rào vào trong sân nhà ông Đ đi đến khu vực để vật liệu xây dựng thì thấy rất nhiều tấm kim loại kích thước 3m x0,2m. S dùng hai tay bê 01 tấm

kim loại mang ra hàng rào gần cổng nhà rồi luồn tấm kim loại qua khe hở hàng rào, đẩy rơi tấm kim loại ra ngoài, sau đó tiếp tục quay lại bê tiếp 01 tấm kim loại và đẩy ra ngoài như trên. S trèo qua tường rào ra ngoài đường, vác 02 tấm kim loại vừa lấy được đến bán cho Nguyễn Phi Đ. Đ biết đó là tài sản do S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua 02 tấm kim loại của S với giá 220.000 đồng.

Lần 02: Khoảng 03 giờ ngày 02/7/2024, S đến nhà ông Đ, tiếp tục sử dụng phương thức như trên trộm cắp của ông Đ 04 tấm kim loại kích thước 3m x0,2m rồi bê đến nhà Đ để bán. Đ biết đó là tài sản do S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua 04 tấm kim loại của S với giá 450.000 đồng.

Lần 03: Khoảng 03 giờ ngày 03/7/2024, S đến nhà ông Đ sử dụng phương thức như trên trộm cắp được 03 tấm kim loại kích thước 3m x0,2m rồi bê đến nhà Đ để bán. Đ biết các tấm kim loại do S trộm cắp mà có nhưng Đ vẫn đồng ý mua 03 tấm kim loại của S với giá 330.000 đồng.

Lần 04: Khoảng 03 giờ ngày 04/7/2024, S đến nhà ông Đ tiếp tục sử dụng phương thức trên trộm cắp được 04 tấm kim loại kích thước 3m x0,2m của ông Đ và bê đến nhà Đ để bán. Đ biết các tấm kim loại do S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua của S với giá 440.000 đồng.

Lần 05: Khoảng 03 giờ ngày 05/7/2024, S đến nhà ông Đ tếp tục sử dụng phương thức trên trộm cắp được 01 vỏ hộp bằng kim loại, 01 moay-ơ ô tô bằng kim loại, bao tải bên trong chứa nhiều đoạn kim loại rồi cất giấu ở cạnh đường. Do số lượng tài sản nhiều nên S đi bộ đến nhờ Đ sử dụng xe mô tô chở tài sản về nhà Đ. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20B1-176.84 chở các tài sản S đã trộm cắp được về nhà Đ. Đ biết số tài sản trên là do S trộm cắp có được nhưng vẫn đồng ý mua với giá 450.000đồng.

Lần 06: Khoảng 02 giờ ngày 06/7/2024, S đến nhà ông Đ, tiếp tục sử dụng phương thức như trên trộm cắp được 06 tấm kim loại kích thước 3x0,2m rồi cất giấu ở cạnh đường. Sau đó S đi bộ đến nhà Đ nhờ Đ sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 20B1-176.84 chở tài sản vừa trộm cắp được về nhà Đ. Biết 06 tấm kim loại trên là tài sản do S trộm cắp có được nhưng Đ vẫn đồng ý mua với giá 680.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp có được, S đã sử dụng để tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. S không nói cho Đ biết số tài sản trên là do trộm cắp có được. Đ không thỏa thuận, hứa hẹn trước việc mua tài sản do S phạm tội mà có.

Ngày 07/7/2024, ông Đặng Ngọc Đ đã phát hiện bị mất trộm tài sản và làm đơn trình báo Công an xã L, thành phố T đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 134/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự TP. T kết luận: Giá trị của 02 tấm kim

loại cùng có kích thước 3m x 0,2m, đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 29kg là 232.000 đồng. Giá trị của 04 tấm kim loại cùng có kích thước 3m x 0,2m, đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 58kg là 464.000 đồng. Giá trị của 03 tấm kim loại cùng có kích thước 3m x 0,2m, đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 43,5kg là 348.000 đồng. Giá trị của 04 tấm kim loại cùng có kích thước 3m x 0,2m, đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 58kg là 464.000 đồng. Giá trị của 01 bao tải dứa màu trắng bên trong chứa nhiều đoạn thanh kim loại, tổng trọng lượng: 9,2kg; 01vỏ hộp số bằng kim loại, trọng lượng: 28kg; 01 Moay-Ơ bằng kim loại, trọng lượng 21,5kg là 172.000 đồng. Giá trị của 06 tấm kim loại cùng có kích thước 3m x 0,2m, đã qua sử dụng, tổng trọng lượng: 87kg là 696.000 đồng. Tổng trị giá là: **2.376.000đ** (Hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Vũ Ngọc S, Nguyễn Phi Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Cáo trạng số 329/CT-VKSTPTN ngày 02/11/2024, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố: Vũ Ngọc S về tội "*Trộm cắp tài sản*", theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Phi Đ về tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân thành phố T quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo S về tội: "*Trộm cắp tài sản*", theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên VKSND thành phố T trình bày lời luận tội, rút một phần quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Vũ Ngọc S phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*, theo điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS; Giữ nguyên truy tố Nguyễn Phi Đ phạm tội: *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Vũ Ngọc S từ 18 đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Phi Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn: Xanh đen, BKS: 20B1-176.84, số máy: C43E-6398573, số khung: BY447335, đã qua sử dụng đăng ký mang tên Nguyễn Phi Đ. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản chung của vợ

chồng bị cáo nên cần trả lại chiếc xe trên cho bị cáo là có căn cứ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo Thi hành án.

- Đề nghị truy thu của bị cáo S số tiền do phạm tội mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước.

.Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị hại ông Đ yêu cầu các bị cáo Đ, S mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Đ 1.000.000 đồng, bị cáo Đ đã bồi thường cho ông Đ 1.000.000 đồng, còn bị cáo S chưa bồi thường. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Đ không yêu cầu S phải bồi thường nữa nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Đại diện viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án thấp nhất, bị cáo Đ xin được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, tại Bản kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố đối với bị cáo S về tội trộm cắp tài sản, theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự "tình tiết định khung phạm tội chuyên nghiệp"; ngoài ra các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên", theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không vận dụng theo hướng dẫn tại "*Mục II của Thông tư Liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001"*.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, cùng các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Trong các ngày từ 01/7/2024, 02/7/2024, 03/7/2024, 04/7/2024, 05/7/2024 và 06/7/2024, tại nhà ông Đặng Ngọc Đ

thuộc xóm Cây S, xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Bị cáo Vũ Ngọc S đã thực hiện nhiều lần hành vi trộm cắp tài sản của nhà ông Đ, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào khoảng 03 giờ ngày 01/7/2024, Vũ Ngọc S có hành vi trộm cắp 02 tấm kim loại kích thước 3m x 0,2m có trị giá là 232.000 đồng của ông Đặng Ngọc Đ rồi mang bán cho Nguyễn Phi Đ với trị giá 220.000 đồng.

- Lần 2: Vào khoảng 03 giờ ngày 02/7/2024, Vũ Ngọc S có hành vi trộm cắp 04 tấm kim loại kích thước 3m x 0,2m có trị giá là 464.000 đồng của ông Đặng Ngọc Đ rồi mang bán cho Nguyễn Phi Đ với trị giá 450.000 đồng.

- Lần 3: Vào khoảng 03 giờ ngày 03/7/2024, Vũ Ngọc S có hành vi trộm cắp 03 tấm kim loại kích thước 3m x 0,2m có trị giá là 348.000 đồng của ông Đặng Ngọc Đ rồi mang bán cho Nguyễn Phi Đ với giá 330.000 đồng.

- Lần 4: Vào khoảng 03 giờ ngày 04/7/2024, Vũ Ngọc S có hành vi trộm cắp 04 tấm kim loại kích thước 3m x 0,2m có giá trị là 464.000 đồng của ông Đặng Ngọc Đ rồi mang bán cho Nguyễn Phi Đ với giá 440.000 đồng.

- Lần 5: Vào khoảng 03 giờ ngày 05/7/2024, Vũ Ngọc S có hành vi trộm cắp 01 vỏ hộp số bằng kim loại, 01 moay-ơ ô tô bằng kim loại, bao tải bên trong chứa nhiều đoạn kim loại có trị giá là 172.000 đồng của ông Đặng Ngọc Đ rồi mang bán cho Nguyễn Phi Đ với giá 450.000 đồng.

- Lần 6: Vào khoảng 02 giờ ngày 06/7/2024, Vũ Ngọc S có hành vi trộm cắp 06 tấm kim loại kích thước 3m x 0,2 m có giá trị là 696.000 đồng của ông Đặng Ngọc Đức rồi mang bán cho Nguyễn Phi Đ với giá 680.000 đồng. Tổng trị giá 06 lần là: **2.376.000đ** (Hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo S có trị giá **2.376.000đồng**. Tuy nhiên, nhưng về trách nhiệm dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2012/HS-ST ngày 20/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bị cáo chưa bồi thường 4.240.000 đồng cho bị hại và Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HS-ST, ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện MỈĐRĂK, tỉnh ĐĂK LĂK. Xử phạt 15 tháng tù và xác định bản án nêu trên chưa được xóa án tích bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm". Từ đánh giá và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi phạm tội của bị cáo S thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm", theo điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự: *"đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý"*.

Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Ngọc S có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Hành vi của bị cáo Nguyễn Phi Đ có đủ yếu tố cấu thành tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố các bị cáo về tội danh là đúng pháp luật, bản luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo Đ là có căn cứ xem xét chấp nhận. Việc rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo S là không phù hợp nên xem xét chấp nhận một phần.

Nội dung Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g, Tái phạm nguy hiểm.

Nội dung Điều 323 Bộ luật Hình sự quy định:

" 1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, còn là nguyên nhân phát sinh tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo S là người có nhân thân xấu, bị cáo đã 03 lần bị Tòa án xét xử và phải đi chấp hành án cải tạo tại trại giam một thời gian, khi trở về xã hội bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng trở thành công dân tốt mà lại tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật, nguyên nhân phạm tội là do nghiện ma túy, bị cáo đã đi trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng. Bị cáo Đ là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự nguyên nhân phạm tội là do hám lợi.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo S, Đ phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Đ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp

ít nghiêm trọng, đã tự nguyện bồi thường, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo S, Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Xét nhân thân, tính chất mức độ tội phạm và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo S là người nghiện ma túy có nhân thân xấu, mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo S ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt. Bị cáo Đ là người có nhân thân tốt có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần phải cách ly bị cáo Đ ra khỏi xã hội vẫn có thể cải tạo, giáo dục trở thành công dân tốt để cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo S là đối tượng nghiện ma túy, không có công việc và thu nhập ổn định, bị cáo Đ không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đ đã bồi thường cho ông Đ số tiền 1.000.000 đồng, ông Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đối với bị cáo S chưa bồi thường số tiền này nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường 1.000.000 đồng nữa, xét thấy yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với tài sản bị cáo S bán cho bị cáo Đ bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố T thu giữ để điều tra giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho bị hại ông Đ quản lý, sử dụng nên không đề nghị xem xét.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Xanh đen, loại xe: Hai bánh, số loại: WAVE, dung tích: 109 cm3, biển kiểm soát: 20B1-176.84, số khung: BY447335, số máy: C43E-6398573, đã qua sử dụng, xe hoàn chỉnh, tổng thành máy, khung cùng thông số kỹ thuật theo đăng ký xe, là tài sản chung của vợ chồng Đ, Đ đã giúp sức cho S chở tài sản trộm cắp vào hai ngày (05/7/2024 và 06/7/2024). Xét thấy, hai lần giúp sức của bị cáo Đ trị giá tài sản dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo Đ không xem xét đồng phạm với S về tội trộm cắp tài sản, mục đích giúp sơn là để tiêu thụ tài sản bán cho người khác kiếm lời và S cũng không trả công cho bị cáo khi chở tài sản, nên không xem xét tịch thu chiếc xe mô tô này mà cần tạm giữ để bảo đảm cho việc Thi hành án.

[8]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo là đúng và mức hình phạt đối với bị cáo Đ là phù hợp với quy định của pháp

luật nên cần chấp nhận. Tại phiên tòa Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố bị cáo S về tội trộm cắp tài sản, theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là không vận dụng đúng theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số: 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự năm 1999.

Về trách nhiệm dân sự tại bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2012/HS-ST ngày 20/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo S chưa bồi thường 4.240.000 đồng cho bị hại và không có tài liệu xác minh bị hại có yêu cầu bị cáo bồi thường nữa hay không. Do đó, bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2021/HS-ST, ngày 24/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'ĐRĂK, tỉnh ĐĂK LĂK. Xử phạt 15 tháng tù và xác định bản án nêu trên chưa được xóa án tích bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" là phù hợp. Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận việc bị cáo chưa bồi thường khoản tiền nêu trên cho bị hại là đương nhiên xóa án tích. Bởi lẽ, tại văn bản số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Toà án nhân dân Tối cao về việc "… *kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính ... bị cáo S thuộc trường hợp người bị kết án chưa thi hành các quyết định khác của bản án là chưa chấp hành xong các quyết định khác của bản án. Trong trường hợp này, người bị kết án không đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự".* Như vậy, việc rút một phần quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và mức hình phạt đối với bị cáo S là không phù hợp với tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Vũ Ngọc S** phạm tội: "Trộm cắp tài sản" và bị cáo **Nguyễn Phi Đ** phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về hình phạt chính:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Vũ Ngọc S **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Phi Đ **09** (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Giao bị cáo Nguyễn Phi Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

5. Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Nguyễn Phi Đ) cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Về tạm giam: Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Vũ Ngọc S 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

7. Về ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: Căn cứ Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Phi Đ, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi bị cáo phải chấp hành bản án. Giao bị cáo cho UBND xã L, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tạm giữ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: Xanh đen, loại xe: Hai bánh, số loại: WAVE, dung tích: 109 cm3, biển kiểm soát: 20B1-176.84, số khung: BY447335, số máy: C43E-6398573, đã qua sử dụng, xe hoàn chỉnh, tổng thành máy, khung cùng thông số kỹ thuật theo đăng ký xe để đảm bảo cho việc Thi hành án

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/12/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T).

10. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Ngọc S, Nguyễn Phi Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

11. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Vũ Ngọc S, Nguyễn Phi Đ có mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo Bản án trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại (ông Đặng Ngọc Đ) vắng mặt tại phiên toà, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP.Thái Nguyên;
- Cơ quan điều tra CA TP.T;
- CQTHAHS Công an TP.T;
- CCTHADS TP.T;
- Các bị cáo-BH;
- Lưu: HS, VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sái Đức Trung